

Bản án số: 192/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2024

V/v “TrAh chấp xin ly hôn,
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thanh Vân và ông Trần Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 533/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc “TrAh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 664/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 655/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Ông Dương Thanh T, sinh năm 1987. Địa chỉ: số 77/63/11 tổ 56, khóm Đ 4, phường M, thành phố L, tỉnh A(có yêu cầu vắng mặt).

2.*Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Thúy A, sinh năm 1987. Địa chỉ: số 77/63/11 tổ 56, khóm Đ 4, phường M, thành phố L, tỉnh A(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ông Dương Thanh T trình bày:

Về quan hệ Hôn nhân và Gia đình: Ông T, bà A tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 162, ngày 22/09/2011. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu ly hôn với bà A.

Về quan hệ con chung: Ông T bà A ó hai con chung tên Dương Đỗ Hoàng B, sinh ngày 16/03/2013 (nam) và Dương Đỗ Tuệ N, sinh ngày 25/01/2019 (nữ).

Các con đang sống với bà A, do đó giao cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà A vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của ông T.

Tại phiên tòa ông T bà A vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện, ông T được ly hôn với bà A, giao con chung cho bà A nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng, tài sản và nợ không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa ông Dương Thanh T và bà Đỗ Thị Thúy A là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, ông T yêu cầu vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông T và bà A kết hôn trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Bình Khánh, thành phố L, theo giấy chứng nhận kết hôn số 162/2011, ngày 22/09/2011, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông T bà A sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, không thể hòa giải, ông T tự ý bỏ nhà ra đi và trở về gia đình cha mẹ ruột tại xã H, huyện C, vợ chồng ly thân, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, không còn tình cảm, yêu thương nhau. Trong thời gian A giải quyết ông T luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà A.

[3] Xét, hôn nhân giữa ông T bà A phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, thực hiện các công việc trong

gia đình, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, ông T không còn tình cảm với bà A, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, bà A vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T tức là bà đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bà đã được pháp luật quy định. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông T được ly hôn với bà A.

[4] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng: Ông T bà A có con chung tên là Dương Đỗ Hoàng B, sinh ngày 16/03/2013 và Dương Đỗ Tuệ N, sinh ngày 25/01/2019. Các cháu đang sống ổn định cùng bà A, phía ông T đồng ý giao con cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Xét, cần ổn định cuộc sống của các cháu, tránh xáo trộn ảnh hưởng đến tâm lý và việc học tập đồng thời bà A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không có ý kiến. Do đó, cần thiết để bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng, ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung số tiền 3.000.000đ/tháng, bà A không có ý kiến nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của ông T để bảo đảm cuộc sống ổn định hai con chung, thời gian thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung lần lượt thành niên.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà A không có ý kiến nên không xem xét.

[6] Về án phí: Ông T nộp theo quy định pháp luật, bà A không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 8, 9, 19, 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

-Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh T được ly hôn với bà Đỗ Thị Thúy A.

-Về quan hệ con chung: Ông Dương Thanh T và bà Đỗ Thị Thúy A có hai con chung tên là Dương Đỗ Hoàng B, sinh ngày 16/03/2013 (nam) và Dương Đỗ Tuệ N, sinh ngày 25/01/2019 (nữ). Sau khi ly hôn bà Đỗ Thị Thúy A tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng: Ông

T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng). Thời gian thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung lần lượt thành niên. Bà A phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

-Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

-Về án phí: Ông T nộp số tiền 600.000đ. Trong đó, 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000708, ngày 02/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A Giang. Ông T nộp thêm số tiền 300.000đ tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

-Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự theo quy định pháp luật.

-Về thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương